

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại  
của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 146/TTr-SKHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 108/2007/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân

APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 116/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 108/2007/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; các doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại  
của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong việc đề nghị cho doanh nhân của các doanh nghiệp thuộc thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là thẻ ABTC).

##### **Điều 2. Các trường hợp được xem xét cấp thẻ ABTC**

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc), Giám đốc và Phó Giám đốc phụ trách các bộ phận chuyên môn, Kế toán trưởng và Trưởng, Phó các phòng chuyên môn có tham gia trực tiếp đến việc thương thảo và ký kết hợp đồng với các đối tác của các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên thuộc APEC đã tham gia chương trình thẻ ABTC.

2. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Phó Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc), Giám đốc và Phó Giám đốc phụ trách các bộ phận chuyên môn, Kế toán trưởng và Trưởng phòng chuyên môn (bao gồm công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân), Chủ nhiệm hợp tác xã và

Chủ tịch Ban quản trị hợp tác xã có tham gia trực tiếp đến việc thương thảo và ký kết hợp đồng với các đối tác của các nước hoặc vùng lãnh thổ thành viên thuộc APEC đã tham gia chương trình thẻ ABTC.

3. Công chức, viên chức các cơ quan Sở, ban, ngành thuộc thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động kinh tế khác của APEC.

**Điều 3. Điều kiện để doanh nhân nêu tại Điều 2 của Quy chế này được xét cho sử dụng thẻ ABTC**

1. Doanh nhân Việt Nam mang hộ chiếu còn giá trị sử dụng (thời hạn sử dụng còn trên 12 tháng).

2. Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp được quy định tại Điều 2 của Quy chế này có các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư và dịch vụ với các đối tác trong các nền kinh tế thành viên tham gia thẻ ABTC được thể hiện thông qua các hợp đồng kinh tế, thương mại, các dự án đầu tư và các hợp đồng dịch vụ cụ thể.

3. Doanh nhân làm việc tại các doanh nghiệp được thể hiện bằng hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm chức vụ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ tại doanh nghiệp đang làm việc.

4. Doanh nhân phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên; người không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không bị mất năng lực hành vi dân sự.

5. Không thuộc các trường hợp chưa được phép xuất cảnh quy định tại Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

6. Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp đã có hoạt động từ 06 (sáu) tháng trở lên.

7. Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động và bảo hiểm xã hội.

**Chương II**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN**  
**TRONG VIỆC ĐỀ NGHỊ CHO DOANH NHÂN CỦA CÁC**  
**DOANH NGHIỆP THUỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**ĐƯỢC SỬ DỤNG THẺ ABTC**

**Điều 4.** Các cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố giao trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cụ thể như sau:

1. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất thuộc thành phố.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu Công nghệ cao thành phố.

3. Ban Quản lý Khu đô thị Nam thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu đô thị Nam thành phố.

4. Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

5. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 đang hoạt động trong Khu đô thị Tây Bắc thành phố.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho phép sử dụng thẻ ABTC đối với doanh nhân của các doanh nghiệp nêu tại Điều 2 và chưa được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 của Điều này.

### **Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan**

1. Cục Thuế thành phố, Bảo hiểm Xã hội thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Hải quan thành phố, Sở Công Thương có trách nhiệm thông tin khi có yêu cầu của các cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 4 của Quy chế này về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp có doanh nhân đề nghị cho sử dụng thẻ ABTC đang làm việc.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi thông tin cho cơ quan gửi yêu cầu. Nếu quá thời hạn trên, mà cơ quan gửi yêu cầu chưa nhận được thông tin từ cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin thì xem như đồng ý và cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin phải hoàn toàn chịu trách nhiệm theo nội dung yêu cầu.

Giấy xác nhận của các Sở, ban, ngành về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp có giá trị trong vòng 06 (sáu) tháng.

### **Điều 6. Thủ tục, thời hạn xét cho sử dụng thẻ ABTC cho doanh nhân**

1. Những đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này có nhu cầu cấp thẻ ABTC thì nộp 02 (hai) bộ hồ sơ tại các cơ quan quy định tại Điều 4 Quy chế này. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp do đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên và đóng dấu (theo mẫu);

b) Bản sao một trong các loại giấy tờ: thư mời, hợp đồng ngoại thương, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc các chứng từ xuất nhập khẩu khác (L/C, vận đơn, tờ khai hải quan, hóa đơn thanh toán) không quá 01 năm tính đến thời điểm xin cấp thẻ ABTC với các đối tác thuộc nền kinh tế thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC (kèm bản chính các giấy tờ trên để đối chiếu). Nếu các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

c) Bản sao hộ chiếu;

d) Bản sao quyết định bổ nhiệm chức vụ;

e) Bản sao sổ Bảo hiểm xã hội.

2. Cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ và

tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xét cho sử dụng thẻ ABTC trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản xét cho phép sử dụng thẻ ABTC cho doanh nhân để Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp theo quy định.

Trong trường hợp không đủ điều kiện được xem xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời lý do không được xem xét cấp thẻ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố xem xét hồ sơ do cơ quan có trách nhiệm trình và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký, hồ sơ được chuyển trả lại cho cơ quan thụ lý hồ sơ để tiếp tục hướng dẫn cho doanh nhân liên hệ với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an để được xét cấp thẻ.

### **Chương III**

## **CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan của thành phố**

1. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế có trách nhiệm tổ chức sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất phù hợp để thực hiện công tác này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra ách tắc, những nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp.

2. Các cơ quan hữu quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trao đổi thông tin nhanh chóng, phối hợp tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân trong việc xét cho sử dụng thẻ ABTC.

3. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Quy chế này phát hiện hoặc nhận được thông tin việc kê khai không chính xác cũng như việc không chấp hành tốt các quy định liên quan đến việc sử dụng thẻ ABTC thì những cơ quan này có văn bản gửi về các cơ quan nêu tại Điều 4 Quy chế này để trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo thẻ ABTC không còn giá trị nhập cảnh đến các cơ quan có thẩm

quyền của các quốc gia và vùng lãnh thổ thành viên APEC tham gia chương trình thẻ ABTC.

### **Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm định kỳ hàng năm (hạn chót vào ngày 31 tháng 12 hàng năm) phải báo cáo tình hình sử dụng thẻ ABTC của doanh nhân thuộc doanh nghiệp mình gồm các nội dung theo mẫu ban hành kèm theo Quy chế này. Doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trong báo cáo và cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật cũng như các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC. Trường hợp doanh nghiệp không báo cáo hoặc báo cáo không đúng hạn xem như doanh nghiệp vi phạm quy chế và các doanh nhân trong doanh nghiệp sẽ được các cơ quan nêu tại Điều 4, nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ xin phép cho sử dụng thẻ ABTC trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định và thông báo đến Cục Quản lý Xuất nhập cảnh về việc thẻ ABTC không còn giá trị sử dụng.

2. Đối với doanh nhân của doanh nghiệp đã chuyển công tác, thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ việc, doanh nghiệp phải có trách nhiệm giữ lại thẻ và báo cáo ngay với các cơ quan được nêu tại Điều 4, nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ xin phép cho sử dụng thẻ ABTC để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thẻ không còn giá trị sử dụng, liên hệ và nộp lại thẻ đã cấp cho doanh nhân để Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an quản lý.

3. Đối với trường hợp doanh nghiệp bị phát hiện giới thiệu không đúng người của doanh nghiệp hoặc người của doanh nghiệp nhưng không đúng tiêu chí, điều kiện xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và những doanh nhân được đề nghị cho phép sử dụng thẻ của doanh nghiệp sẽ được các cơ quan nêu tại Điều 4, nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ xin phép cho sử dụng thẻ ABTC trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định và thông báo đến Cục Quản lý Xuất nhập cảnh về việc thẻ ABTC không còn giá trị sử dụng và chịu những chế tài khác của pháp luật.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Nam thành phố, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư -



Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**